

Số: 56/2021/QĐST-HNGĐ

Hải Dương, ngày 08 tháng 12 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**

V/v Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con.

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Xuân Trường.

Thư ký phiên họp: Bà Vũ Thị Huyền - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên họp:
Ông Nguyễn Văn Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 251/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2021, về việc: “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con*”, theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 219/2021/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2021, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

* Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh **Nguyễn Văn M**, sinh năm 1983.

ĐKHKTT: Thôn Ng, xã L, huyện Gi, tỉnh Hải Dương.

Chỗ ở hiện nay: Khu 6, phường H, thành phố D, tỉnh Hải Dương.

- Chị **Nguyễn Thị Thu Qu**, sinh năm 1988.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn Ng, xã L, huyện Gi, tỉnh Hải Dương.
Chỗ ở hiện nay: Nhật Bản.

Anh M, chị Qu vắng mặt, có đơn đề nghị vắng mặt.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng thời là người được chị Qu ủy quyền về việc giao nhận văn bản tố tụng: Bà Nguyễn Thị Bích D1, sinh năm 1962. Địa chỉ: Số nhà 17, ngách 23, ngõ 253, đường Q, phường B, thành phố D, tỉnh Hải Dương.

Vắng mặt và có quan điểm đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn; Bản tự khai; Giấy ủy

quyền; Đơn đề nghị giải quyết vắng mặt của chị Nguyễn Thị Thu Qu và anh Nguyễn Văn M cùng các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu Qu và anh Nguyễn Văn M được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Gi, tỉnh Hải Dương ngày 29/4/2011. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng một năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm sống bất đồng, vợ chồng mâu thuẫn về kinh tế và nợ nần nên thường xuyên xảy ra cãi nhau. Năm 2014 - 2015 vợ chồng sang Nhật Bản làm ăn, đến năm 2017 - 2018 thì về nước nhưng kinh tế và mâu thuẫn gia đình vẫn không được cải thiện. Năm 2020, chị Qu tiếp tục sang Nhật Bản làm ăn, vợ chồng sống xa cách mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai, mâu thuẫn kéo dài khiến cả hai cùng chán nản, mệt mỏi. Nay chị Qu, anh M cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn và thống nhất đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Ngọc Phương Th, sinh ngày 22/01/2012 và Nguyễn Nhật N, sinh ngày 21/01/2018, hiện các con đang ở với bà ngoại. Chị Qu và anh M thống nhất thỏa thuận giao cả hai con chung cho chị Qu chăm sóc, nuôi dưỡng, chị Qu tự nguyện không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản, nợ chung: Chị Qu, anh M cùng xác định không có tài sản chung; không nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Anh M tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

Chị Nguyễn Thị Thu Qu hiện đang cư trú tại Nhật Bản nên chị ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Bích D1 thay chị giao nhận các tài liệu tại Tòa án, đồng thời ủy quyền cho bà D1 chăm sóc các con Nguyễn Ngọc Phương Th và Nguyễn Nhật N trong thời gian chị không có mặt tại Việt Nam, chị có trách nhiệm gửi tiền về cho bà D1 thay chị chăm sóc con chung. Anh Nguyễn Văn M nhất trí giao cả hai con cho bà D1 chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian chị Qu không có mặt tại Việt Nam.

Bà Nguyễn Thị Bích D1 nhất trí nhận ủy quyền của chị Qu về việc giao nhận văn bản tố tụng của Tòa án cũng như chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc Phương Th và Nguyễn Nhật N cho đến khi chị Qu về nước, bà không yêu cầu chị Qu, anh M phải cấp dưỡng tiền nuôi con và bà đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Con chung của chị Qu, anh M là cháu Nguyễn Ngọc Phương Th có nguyện vọng được ở với mẹ và bà ngoại.

Tại phiên họp chị Qu, anh M vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt đồng thời giữ nguyên yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương có quan điểm về việc

tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng giải quyết việc dân sự và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ việc: Căn cứ Điều 55, Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng giải quyết việc dân sự công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thu Qu và anh Nguyễn Văn M. Giao hai con chung Nguyễn Ngọc Phương Th và Nguyễn Nhật N cho chị Qu nuôi dưỡng cho đến khi các con thành niên, anh M không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tạm giao hai con cho bà Nguyễn Thị Bích D1 nuôi dưỡng trong thời gian chị Qu không có mặt tại Việt Nam. Anh M tự nguyện chịu cả lệ phí giải quyết việc dân sự về Hôn nhân và gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự, quan điểm của các đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Thu Qu và anh Nguyễn Văn M có đơn đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Chị Qu hiện đang cư trú tại Nhật Bản. Do vậy, vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương theo quy định tại khoản 3 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết, chị Qu và anh M đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Chị Qu không về Việt Nam tham gia tố tụng nhưng đã gửi đơn, bản tự khai, đơn đề nghị giải quyết vắng mặt và giấy ủy quyền đến Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Các tài liệu này đã được Tổng lãnh sự quán Việt Nam tại Osaka - Nhật Bản chứng nhận. Do vậy, có đủ cơ sở khẳng định ý chí, nguyện vọng ly hôn của chị Qu. Bà Nguyễn Thị Bích D1 nhất trí nhận ủy quyền của chị Qu và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án quyết định giải quyết vắng mặt các đương sự là phù hợp.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu Qu và anh Nguyễn Văn M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Gi, tỉnh Hải Dương vào ngày 29/4/2011, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm sống bất đồng, mâu thuẫn về kinh tế và nợ nần nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Vợ chồng cùng có thời gian sang Nhật Bản làm ăn nhưng mâu thuẫn không được cải thiện. Năm 2020, chị Qu tiếp tục sang Nhật Bản làm ăn, vợ chồng không liên lạc và không quan tâm đến nhau. Anh, chị cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên thống nhất đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt

được nên cần chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của chị Qu, anh M là phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về việc nuôi con: Chị Qu, anh M thống nhất giao cho chị Qu trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung là Nguyễn Ngọc Phương Th, sinh ngày 22/01/2012 và Nguyễn Nhật N, sinh ngày 21/01/2018 cho đến khi các con thành niên (tròn 18 tuổi). Chị Qu tự nguyện không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Trong thời gian chị Qu không có mặt tại Việt Nam, chị ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Bích D1 chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, bà D1 nhất trí nhận ủy quyền của chị Qu. Xét thấy, thỏa thuận của các đương sự phù hợp với thực tế, phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình và không trái đạo đức xã hội, nên cần chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Qu, anh M không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3]. Về lệ phí: Chấp nhận sự tự nguyện của anh M tự nguyện chịu cả lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình theo quy định.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 1 Điều 37, Điều 149, Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thu Qu và anh Nguyễn Văn M.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị Nguyễn Thị Thu Qu và anh Nguyễn Văn M, giao cho chị Qu trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Ngọc Phương Th, sinh ngày 22/01/2012 và Nguyễn Nhật N, sinh ngày 21/01/2018 cho đến khi các con thành niên (tròn 18 tuổi). Chị Qu tự nguyện không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Giao cháu Nguyễn Ngọc Phương Th và Nguyễn Nhật N cho bà Nguyễn Thị Bích D1 chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian chị Qu không có mặt tại Việt Nam.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản, nợ chung: Không có.

4. Về lệ phí: Anh Nguyễn Văn M tự nguyện chịu cả 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình, được đối trừ số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ theo biên lai thu số AA/2020/0004582 ngày 04/11/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã L, huyện Gi tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN.

**TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

**Nguyễn Xuân Trường
(đã ký)**